

TỜ TRÌNH
Luật Đầu tư (sửa đổi)

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 78/2019/QH14 ngày 11/6/2019 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật Đầu tư (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Trong thời gian qua, Quốc hội đã ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung nhiều đạo luật quan trọng nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, trong đó có Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và một số Luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh. Các đạo luật này đã góp phần xóa bỏ rào cản trong hoạt động đầu tư, kinh doanh không phù hợp với kinh tế thị trường và cam kết hội nhập của Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Bên cạnh kết quả đạt được, thực tiễn hơn 4 năm thi hành Luật Đầu tư đã đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện hơn nữa một số quy định của các Luật này bởi những lý do sau đây:

Một là, Luật Đầu tư cần được tiếp tục sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh; đáp ứng yêu cầu huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- Quá trình thực hiện Luật Đầu tư và một số Luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh trong thời gian qua cho thấy còn một số nội dung chưa được quy định thống nhất, đồng bộ giữa các Luật, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, môi trường.... Sự trùng lặp, chồng chéo trong các quy định về vấn đề này giữa các Luật đã và đang gây nhiều khó khăn cho cả nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý trong việc triển khai hoạt động đầu tư, kinh doanh cũng như công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động này.

- Một số nội dung của Luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện chưa được quy định đầy đủ, chưa có cơ chế kiểm soát, giám sát chặt chẽ việc đề xuất sửa đổi, bổ sung các ngành, nghề này nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo đảm thực thi nhất quán quyền tự do kinh doanh của người dân và doanh nghiệp.

- Các hình thức đầu tư chậm được đổi mới, chưa thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của các mô hình, phương thức tổ chức kinh doanh mới trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Các lĩnh vực, ngành, nghề ưu đãi, hỗ trợ đầu tư còn dàn trải; hình thức, tiêu chí, điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư thiếu tính linh hoạt, chưa thật sự hướng mạnh vào việc thu hút các nguồn lực đầu tư nhằm cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên sáng tạo và đổi mới công nghệ, đồng thời thúc đẩy liên kết giữa các ngành, vùng, giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn ĐTNN...

- Các quy định của Luật về thẩm quyền, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thủ tục thành lập tổ chức kinh tế, góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, điều chỉnh, tạm ngừng, giãn tiến độ, chấm dứt dự án đầu tư... còn một số nội dung thiếu tính khả thi, hợp lý và đồng bộ với các Luật có liên quan. Luật cũng chưa có quy định hợp lý về phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư kinh doanh.

- Các quy định về ngành, nghề cấm đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài có điều kiện chưa được cập nhật, hệ thống hóa để bảo đảm tính minh bạch và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động này; hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và triển khai hoạt động đầu tư ở nước ngoài còn phức tạp, thiếu tính khả thi và hợp lý.

Hai là, bên cạnh những thành tựu quan trọng, việc thu hút và sử dụng nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (ĐTNN) trong thời gian qua đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập và những vấn đề mới phát sinh, đòi hỏi phải có quan điểm, định hướng và giải pháp mới nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút nguồn vốn này cũng như công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Nghị quyết số 50/NQ-TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 (*sau đây gọi là Nghị quyết số 50-NQ/TW của Bộ Chính trị*) đã đánh giá toàn diện tình hình thu hút, sử dụng nguồn vốn ĐTNN hơn 30 năm qua, trong đó đã chỉ rõ những hạn chế, bất cập trong hoạt động thu hút nguồn vốn này, như: chất lượng, hiệu quả thu hút và sử dụng ĐTNN còn hạn chế; mất cân đối trong thu hút và sử dụng ĐTNN; tính liên kết giữa khu vực ĐTNN với khu vực kinh tế trong nước chưa chặt chẽ; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về

ĐTNN còn hạn chế; quy trình, thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi, chấm dứt hoạt động của dự án ĐTNN chưa bảo đảm chặt chẽ; công tác quản lý, triển khai dự án đầu tư còn nhiều bất cập; công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động ĐTNN chưa thực sự phát huy hiệu quả...

Bên cạnh đó, đã xuất hiện một số hiện tượng tiêu cực và vấn đề mới phát sinh trong hoạt động của các dự án ĐTNN (như tình trạng chuyên giá, trốn thuế, sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên, đầu tư "chui", "núp bóng" thông qua tổ chức, cá nhân Việt Nam...). Trong bối cảnh đó, Luật Đầu tư cần được tiếp tục sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện công cụ cần thiết để bảo đảm, thu hút nhà đầu tư thật sự có năng lực để thực hiện dự án đầu tư có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu sử dụng hiệu quả các nguồn lực về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, lao động, bảo đảm an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường và xử lý những bất cập nêu trên.

Ba là, Luật Đầu tư cần được tiếp tục hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện các cam kết hội nhập, góp phần cải thiện, nâng cao sức cạnh tranh của môi trường đầu tư, kinh doanh.

Việc Việt Nam tham gia Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với phạm vi, mức độ cam kết cao hơn về mở cửa thị trường và tự do hóa đầu tư, thương mại cũng đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách, trong đó có Luật Đầu tư nhằm bảo đảm thực hiện cam kết hội nhập.

Đồng thời, cộng đồng doanh nghiệp cũng mong muốn sửa đổi toàn diện Luật Đầu tư nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng. Một số vấn đề lớn mà các doanh nghiệp kỳ vọng có bước đột phá hơn trong Luật này là: tiếp tục bảo đảm quyền tự do, bình đẳng của doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư kinh doanh; cải cách, đơn giản hóa hơn nữa thủ tục thực hiện dự án đầu tư...

(Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Đầu tư và rà soát vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật được gửi kèm theo Tờ trình này).

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ YÊU CẦU XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục tiêu, quan điểm tổng quát của Luật này là nhằm thể chế hóa các Nghị quyết của Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế tư nhân và hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

Những mục tiêu cụ thể Luật này gồm:

Một là, nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút nguồn lực đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh

vực, địa bàn trên cơ sở bảo đảm an ninh, quốc phòng, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Hai là, hoàn thiện các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh, đồng thời cắt giảm một số ngành, nghề không cần thiết, bất hợp lý nhằm tiếp tục bảo đảm thực hiện đầy đủ, nhất quán quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà Luật không cấm hoặc quy định phải có điều kiện.

Ba là, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho hoạt động đăng ký đầu tư; cắt giảm chi phí và thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư, kinh doanh. Hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý giữa các cơ quan trung ương và cơ quan địa phương trên cơ sở đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh.

2. Yêu cầu xây dựng Luật:

- Bảo đảm thi hành đầy đủ, nhất quán những cải cách của Luật Đầu tư gắn với việc thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, hỗ trợ phát triển và cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp.

- Bảo đảm tính thống nhất, minh bạch, khả thi và hiệu quả trong việc thực hiện các quy định của Luật Đầu tư và các luật có liên quan đến đầu tư, kinh doanh, đặc biệt là các luật về đất đai, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, môi trường, chuyển giao công nghệ...

- Bảo đảm tuân thủ các cam kết hội nhập của Việt Nam, trong đó có các cam kết liên quan đến mở cửa thị trường, tự do hóa và bảo hộ đầu tư theo các Hiệp định đầu tư song phương cũng như Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO LUẬT

Theo Nghị quyết số 57/2018/QH14 và Nghị quyết số 78/2019/QH14 của Quốc hội, Dự án Luật này được đưa vào Chương trình xây dựng luật và pháp lệnh của Quốc hội năm 2019, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8 và thông qua tại Kỳ họp thứ 9. Thực hiện sự phân công của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức thực hiện Dự án luật này theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và trình Chính phủ trong tháng 7/2019.

Tại Phiên họp Chính phủ chuyên đề về xây dựng pháp luật trong tháng 8/2019, Chính phủ đã thảo luận về Dự án Luật này. Qua thảo luận, Chính phủ nhận thấy, Dự thảo Luật này về cơ bản được xây dựng trên cơ sở bám sát mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh chính sách trong Đề nghị xây dựng Luật đã được Chính phủ thông qua. Tuy nhiên, so với Dự thảo Luật đã trình Chính phủ trong tháng 3/2019, Dự thảo Luật này đã hoàn thiện, bổ sung thêm nhiều nội dung

mới nhằm thể chế hóa đầy đủ những quan điểm, chủ trương, giải pháp trong Nghị quyết số 50/NQ-TW ngày 22/8/2019 của Bộ Chính trị. Do vậy, quy mô và mức độ sửa đổi, bổ sung của dự thảo Luật này khá lớn; trong đó, sửa đổi 30 điều, bổ sung 03 điều trong tổng số 76 điều của Luật Đầu tư; sửa đổi 60 điều, bổ sung 1 chương và 8 điều, bãi bỏ 2 điều trong tổng số 213 điều của Luật Doanh nghiệp.

Với quy mô và mức độ sửa đổi như trên, Chính phủ đã có Tờ trình số 353/TTr-CP ngày 27/8/2019 đề nghị UBTV Quốc hội xem xét, cho phép tách dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp thành 2 Dự án: Luật Đầu tư (sửa đổi) và Luật Doanh nghiệp (sửa đổi).

Đồng thời, tại Tờ trình số 357/TTr-CP và Tờ trình số 361/TTr-CP, Chính phủ đã trình Quốc hội 02 Dự án Luật nêu trên. Ủy ban kinh tế của Quốc hội đã tổ chức thẩm tra sơ bộ 02 Dự án Luật này.

Tuy nhiên, để thực hiện Nghị quyết 78/2019/QH14 và căn cứ nội dung Chương trình phiên họp thứ 37 của UBTV Quốc hội, Chính phủ đã có Tờ trình số 402/TTr-CP ngày 13/9/2019 về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp, trình UBTV Quốc hội cho ý kiến tại Phiên họp này.

Thực hiện Kết luận của UBTV Quốc hội tại Phiên họp nêu trên, Chính phủ đã trình UBTV Quốc hội xem xét điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019 để tách Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp thành 02 dự án Luật: Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) và Luật Đầu tư (sửa đổi), đồng thời cho ý kiến về 02 Dự án Luật này tại Phiên họp thứ 38 của UBTV Quốc hội.

IV. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO LUẬT

Luật này sửa đổi 36 điều, bổ sung 04 điều và bãi bỏ 2 điều của Luật Đầu tư với những nội dung chủ yếu sau:

1. Nhóm quy định về phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng Luật Đầu tư, các khái niệm và chính sách đầu tư kinh doanh:

- Dự thảo Luật này sửa đổi, bổ sung Điều 4 Luật Đầu tư để phân định rõ phạm vi điều chỉnh cũng như nguyên tắc áp dụng của Luật Đầu tư và các Luật có liên quan. Theo đó, một số vấn đề không được điều chỉnh bởi Luật Đầu tư mà được viện dẫn áp dụng các Luật có liên quan, gồm:

+ Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

+ Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư công và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

+ Trình tự, thủ tục đầu tư, thực hiện dự án; hoạt động của doanh nghiệp dự án; luật áp dụng; bảo đảm đầu tư, cơ chế quản lý vốn nhà nước áp dụng trực tiếp cho dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Luật này; nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi xây dựng, việc triển khai dự án đầu tư xây dựng sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Về một số khái niệm, thuật ngữ được sử dụng trong Luật Đầu tư, Dự thảo Luật này sửa đổi, bổ sung các quy định sau:

+ Bổ sung khái niệm “chấp thuận chủ trương đầu tư” để làm rõ mục đích, bản chất của việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương thực hiện dự án (khoản 1 Điều 3).

+ Sửa đổi, bổ sung các khái niệm về “đầu tư kinh doanh”, “ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện”, “điều kiện đầu tư kinh doanh”, “điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài” theo hướng làm rõ hình thức, nội dung cụ thể của khái niệm này nhằm bảo đảm tính khả thi, minh bạch và thống nhất trong quá trình thực hiện (các khoản 5, 6, 7 Điều 3).

+ Sửa đổi khái niệm “vốn đầu tư” (khoản 20 Điều 3) để thể hiện đầy đủ các hình thái tài sản được hình thành từ vốn đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về dân sự và Điều ước quốc tế về đầu tư (bao gồm cả quyền tài sản và các tài sản hình thành trong tương lai, quyền sở hữu trí tuệ, quyền kinh doanh, thương hiệu, bằng sáng chế, kết quả nghiên cứu khoa học...).

+ Bãi bỏ khái niệm “hợp đồng đầu tư theo hình thức đối tác công tư” và quy định về đầu tư theo hình thức PPP để áp dụng thống nhất khái niệm này theo dự thảo Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

+ Bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 5 nhằm tạo cơ sở pháp lý để cơ quan quản lý áp dụng các biện pháp cần thiết (như từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, ngừng, chấm dứt hoạt động đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư...) trong trường hợp các hoạt động này gây phương hại đến an ninh, quốc phòng, di tích lịch sử, văn hóa, đạo đức, sức khỏe của cộng đồng và môi trường.

+ Bổ sung nguyên tắc nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư kinh doanh, bảo đảm thực hiện dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch, tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường và quy định của pháp luật có liên quan (khoản 4 Điều 5).

+ Sửa đổi Điều 12 Luật Đầu tư về bảo lãnh Chính phủ đối với một số dự án quan trọng để thu hẹp dự án thuộc phạm vi bảo lãnh của Chính phủ và thực hiện thống nhất với Luật Quản lý nợ công (Điều 13 dự thảo Luật).

2. Nhóm các quy định về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và đầu tư kinh doanh có điều kiện

Ngoài việc làm rõ mục đích, nội hàm của một số khái niệm liên quan đến ngành, nghề và điều kiện đầu tư kinh doanh, Dự thảo Luật này đã hoàn thiện quy định tại Điều 7 của Luật Đầu tư nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi nguyên tắc bảo đảm quyền tự do đầu tư kinh doanh của người dân và doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm hoặc quy định phải có điều kiện. Theo đó, Luật này đã sửa đổi, bổ sung những nội dung sau:

- Bổ sung quy định về hình thức áp dụng, nội dung điều kiện đầu tư kinh doanh cũng như các nguyên tắc, điều kiện, thủ tục đề xuất ban hành, sửa đổi, bổ sung Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (khoản 5, 6 Điều 7 và khoản 2 Điều 8).

- Sửa đổi Khoản 3 Điều 7 của Luật Đầu tư theo hướng tiếp tục khẳng định nguyên tắc: Bộ, Cơ quan ngang Bộ, HĐND và UBND các cấp không được ban hành các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh, nhưng áp dụng cơ chế linh hoạt, phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thẩm quyền quy định thủ tục hành chính. Theo đó, các cơ quan này có thể ban hành văn bản quy định về thủ tục hành chính để thực hiện điều kiện đầu tư kinh doanh trong trường hợp được giao trong luật.

- Bãi bỏ 12 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, đồng thời sửa đổi 19 ngành, nghề và bổ sung 6 ngành, nghề để phù hợp với yêu cầu, thực tiễn quản lý nhà nước đối với các ngành, nghề này và bảo đảm tính thống nhất với các luật có liên quan (giải trình chi tiết tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này).

- Bổ sung ngành “kinh doanh dịch vụ đòi nợ” vào Danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 của Luật Đầu tư.

- Tiếp tục cấm đầu tư kinh doanh các chất ma túy và tiền chất; các hóa chất, khoáng vật và động, thực vật hoang dã bị cấm theo các công ước quốc tế, nhưng bãi bỏ các Phụ lục 1, 2 và 3 của Luật Đầu tư và giao Chính phủ quy định chi tiết để phù hợp với thực tiễn thay đổi nhanh chóng của các sản phẩm này cũng như yêu cầu quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (khoản 1 Điều 6 dự thảo Luật Đầu tư).

3. Nhóm các quy định về ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Nhằm thể chế hóa quan điểm, chủ trương, giải pháp đối với hoạt động thu hút ĐTNN theo Nghị quyết số 50-NQ/TW của Bộ Chính trị, Dự thảo Luật này đã bổ sung quy định về Danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài **theo cách tiếp cận chọn bỏ** (Điều 9). Danh mục này bao gồm: (i) Ngành, nghề nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận thị trường và (ii) Ngành, nghề nhà đầu tư nước ngoài được tiếp cận thị trường có điều kiện.

Ngoài 02 Danh mục này, nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước. Căn cứ điều kiện phát triển kinh tế, xã hội trong từng thời kỳ và các luật, pháp lệnh, Điều ước quốc tế về đầu tư, Chính phủ công bố Danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện của nhà đầu tư nước ngoài.

Việc bổ sung quy định này nhằm nâng cao tính minh bạch, khả thi trong việc áp dụng cam kết về mở cửa thị trường của Việt Nam phù hợp với các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các điều ước quốc tế về đầu tư, đồng thời khắc phục tình trạng thiếu thống nhất trong việc áp dụng các cam kết của Việt Nam tại các hiệp định có cách tiếp cận khác nhau về mở cửa thị trường (chọn cho và/hoặc chọn bỏ).

4. Nhóm các quy định về ngành, nghề và địa bàn ưu đãi đầu tư

Để bảo đảm thu hút đầu tư có chọn lọc, chất lượng, đổi mới hình thức, điều kiện và thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư, Dự thảo Luật đã hoàn thiện quy định về ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo hướng:

- Ngoài 04 ngành ưu đãi đầu tư đã được bổ sung vào Luật Đầu tư theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật này bổ sung một số ngành, nghề/hoạt động đầu tư khác vào khoản 1 Điều 16, gồm: hoạt động nghiên cứu và phát triển; sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học; hoạt động đổi mới sáng tạo; sản xuất hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ tạo ra hoặc tham gia chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành.

- Bổ sung quy định về nguyên tắc, điều kiện áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư để bảo đảm hiệu quả, chất lượng của việc thực hiện chính sách này (khoản 6, 7 và 8 Điều 15) (như: áp dụng ưu đãi có thời hạn, theo kết quả thực hiện dự án; nhà đầu tư phải bảo đảm đáp ứng điều kiện ưu đãi trong thời gian được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật; không được bảo đảm đầu tư theo quy định tại Điều 13 Luật Đầu tư trong trường hợp ưu đãi đầu tư được cấp hoặc kê khai trái quy định của pháp luật...).

- Loại bỏ dự án xây dựng nhà ở thương mại ra khỏi đối tượng ưu đãi đầu tư để thống nhất với quy định của Luật Đất đai (điểm c khoản 5 Điều 15 dự thảo Luật).

- Bổ sung cơ chế cho phép Chính phủ quyết định ưu đãi đầu tư cao hơn để khuyến khích phát triển một ngành, địa bàn đặc biệt hoặc dự án đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến kinh tế - xã hội (gồm: (i) Dự án thành lập mới hoặc mở rộng các trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam có tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên; (ii) Dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ ba mươi nghìn tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu mười nghìn tỷ đồng trong thời hạn 03 năm. Đối với các loại dự án này, Chính phủ quyết định bổ sung mức ưu đãi và thời hạn ưu đãi đầu tư nhưng mức ưu đãi bổ sung không quá 50% mức ưu đãi cao nhất và thời hạn ưu đãi bổ sung không quá thời hạn ưu đãi dài nhất (Điều 19).

Đồng thời, căn cứ mục tiêu, yêu cầu thu hút đầu tư trong từng thời kỳ và thông lệ quốc tế, Chính phủ quy định việc áp dụng thí điểm các hình thức đầu tư, loại hình tổ chức kinh tế mới và chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với các hình thức đầu tư, loại hình tổ chức kinh tế này (khoản 4 Điều 19).

- Bổ sung biện pháp hỗ trợ đầu tư trong trường hợp dự án bị ngừng kinh doanh theo quyết định của cấp có thẩm quyền và bổ sung hình thức hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách (điểm d, h khoản 1 Điều 20).

Ngoài ra, để thể chế hóa chủ trương tại Nghị quyết số 50-NQ/TW của Bộ Chính trị, Dự thảo Luật này tiếp tục quy định Danh mục ngành, nghề và địa bàn ưu đãi đầu tư thống nhất theo quy định của Luật Đầu tư (giao Chính phủ quy định chi tiết), áp dụng ưu đãi đầu tư theo dự án và không phân biệt ưu đãi đầu tư giữa dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

5. Nhóm các quy định về thẩm quyền, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư

a) Về nguyên tắc, điều kiện thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư:

Bổ sung Điều 28 để làm rõ nguyên tắc, điều kiện áp dụng từng hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất, gồm: (i) đấu giá quyền sử dụng đất theo pháp luật đất đai; (ii) đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên quan tâm; (iii) chấp thuận chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư.

- Hình thức chấp thuận chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư (khoản 3 Điều 28) chỉ được áp dụng trong trường hợp dự án không đáp ứng điều kiện tổ chức đấu giá, đấu thầu (gồm các trường hợp: nhà đầu tư đã có quyền sử dụng đất hợp pháp; nhà đầu tư thực hiện dự án nghiên cứu và phát triển, đổi mới và sáng tạo, sản xuất trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chức năng trong khu kinh tế; cảng hàng không, sân bay dân dụng và các trường hợp khác mà pháp luật quy định không phải đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư).

- Sau thời hạn dự án được công bố theo quy định của pháp luật về đấu giá, đấu thầu mà chỉ có một nhà đầu tư đăng ký hoặc đấu giá không thành thì Cơ quan có thẩm quyền áp dụng thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 5 Điều 28).

- Các dự án không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư (khoản 6 Điều 28), gồm: (i) Dự án thuộc Danh mục dự án được phê duyệt theo Luật Quy hoạch, trừ các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; (ii) Dự án mà nhà đầu tư được lựa chọn thông qua đấu giá hoặc đấu thầu; (iii) Dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo các Điều 30, 31 và 32 Luật Đầu tư.

b) Về thẩm quyền, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật Đầu tư về thẩm quyền của Quốc hội trong trường hợp sử dụng đất rừng để thống nhất với Luật Bảo vệ và phát triển rừng (Điều 31 dự thảo Luật).

- Thu hẹp phạm vi dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Điều 31 của Luật Đầu tư theo hướng loại bỏ dự án sản xuất thuốc lá; phân cấp cho UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh sân golf; nâng mức vốn dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ từ 5.000 tỷ đồng lên 10.000 tỷ đồng.

- Áp dụng thống nhất thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư đối với các dự án xây dựng nhà ở và đô thị để tránh trùng lặp về thẩm quyền, thủ tục quyết định/chấp thuận đầu tư dự án nhà ở, đô thị theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật nhà ở, đô thị (điểm e khoản 1 Điều 32 và điểm đ khoản 1 Điều 33 dự thảo Luật).

- Bổ sung thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án thực hiện trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (khoản 4 Điều 32 dự thảo Luật).

- Bổ sung thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới, ven biển để thống nhất với quy định tương ứng của Luật Đất đai (Điều 33 dự thảo Luật).

- Bãi bỏ thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với hộ gia đình, cá nhân để áp dụng thống nhất điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư của các đối tượng này theo quy định của Luật Đất đai (khoản 2 Điều 33 dự thảo Luật).

- Sửa đổi thủ tục thẩm định dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội (Điều 35, 36) theo hướng đơn giản hóa thủ tục lấy ý kiến thẩm định của Bộ, cơ quan liên quan, xóa bỏ thủ tục

trùng lặp 02 bước lấy ý kiến (Cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến Bộ, cơ quan liên quan và Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục lấy kiến của các cơ quan này trong quá trình thẩm định dự án).

- Đơn giản hóa hồ sơ, nội dung chấp thuận chủ trương dự án đầu tư theo hướng lồng ghép các nội dung giải trình về công nghệ, môi trường và hiệu quả kinh tế xã hội trong báo cáo đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (Điều 34, 35, 36).

6. Nhóm các quy định về thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài:

Nhằm đơn giản hóa thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, Dự thảo Luật này sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

- Bổ sung quy định không yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài phải có dự án đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (khoản 1 Điều 23 dự thảo Luật).

- Minh bạch hóa điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (gồm các điều kiện: dự án không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; bảo đảm phù hợp với quy hoạch; đáp ứng các tiêu chí, định mức về sử dụng đất đai, lao động...) (Điều 38).

- Sửa đổi quy định về thủ tục góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài (Điều 27 dự thảo Luật) theo hướng:

+ Phân định rõ điều kiện, thủ tục góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và điều kiện, thủ tục góp vốn, mua, bán cổ phần của công ty đại chúng; tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty đại chúng theo Luật Chứng khoán. Trường hợp pháp luật về chứng khoán không quy định về điều kiện, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư (khoản 2 Điều 27).

+ Bãi bỏ thủ tục đăng ký trong trường hợp việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp không làm tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp;

+ Đơn giản hóa thủ tục hành chính, thực hiện thống nhất thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tại Cơ quan đăng ký đầu tư (khoản 3 Điều 39).

Ngoài ra, để thể chế hóa chủ trương tại Nghị quyết số 50-NQ/TW của Bộ Chính trị, Dự thảo Luật này bổ sung quy định yêu cầu chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với nhà ĐTNN, tổ chức kinh tế có vốn

ĐTNN trong trường hợp đầu tư góp vốn mua cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp có dự án đầu tư, kinh doanh trong một số địa bàn có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.

7. Nhóm các quy định về thủ tục triển khai thực hiện dự án đầu tư

Nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai dự án đầu tư, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư kinh doanh, Dự thảo Luật này sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

- Quy định quyền của nhà đầu tư trong việc điều chỉnh mục tiêu, quy mô, nội dung dự án đầu tư; sáp nhập, tách dự án đầu tư; thay đổi nhà đầu tư; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư và các nội dung khác (khoản 1 Điều 41 dự thảo Luật).

- Quy định rõ các trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 41);

- Bỏ quy định về giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư để thực hiện thống nhất thủ tục điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và đồng bộ với quy định của Luật Đất đai (bãi bỏ Điều 46 Luật Đầu tư và nhập nội dung này vào Điều 41).

- Bổ sung biện pháp bảo lãnh nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (ngoài biện pháp ký quỹ) nhằm mở rộng, đa dạng hóa các hình thức bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (khoản 1 Điều 43).

- Bổ sung quy định về giám định vốn đầu tư trong trường hợp cần thiết để xác định căn cứ tính thuế, góp phần hạn chế tình trạng chuyển giá, trốn thuế (khoản 2 Điều 45); làm rõ trách nhiệm của nhà đầu tư cũng như cơ quan nhà nước trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư (Điều 43).

- Bổ sung quy định về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư trên cơ sở giao dịch giả tạo về vốn nhằm tạo cơ sở pháp lý để xử lý các trường hợp đầu tư chui, đầu tư núp bóng. Căn cứ quy định này, Chính phủ quy định chi tiết thẩm quyền, trình tự xử lý hoạt động đầu tư chui, đầu tư núp bóng, trong đó có các biện pháp xử lý vi phạm hành chính (điểm i khoản 1 Điều 49).

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định khác về điều kiện, thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; trình tự, thủ tục thanh lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hướng thống nhất với quy định có liên quan của Luật Đất đai (Điều 49).

- Bổ sung quy định về gia hạn thực hiện dự án đầu tư; theo đó, khi hết thời hạn thực hiện dự án mà nhà đầu tư có nhu cầu tiếp tục thực hiện dự án và đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật thì được xem xét gia hạn thực hiện hoạt động của dự án đầu tư nhưng không quá thời hạn tối đa theo quy định của Luật Đầu tư, trừ các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên và dự án có điều kiện chuyển giao không bồi hoàn (khoản 4 Điều 44).

8. Nhóm các quy định về đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài:

- Quy định cụ thể Danh mục ngành, nghề cấm đầu tư ra nước ngoài, gồm: (i) các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 của Luật Đầu tư; (ii) ngành nghề có công nghệ, sản phẩm thuộc đối tượng cấm xuất khẩu và ngành, nghề bị cấm đầu tư ra nước ngoài theo các điều ước quốc tế về đầu tư (Điều 54).

- Quy định cụ thể Danh mục ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện, gồm các ngành: ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, kinh doanh bất động sản (khoản 2 Điều 54).

- Bãi bỏ khoản 1 Điều 64 của Luật Đầu tư về điều kiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài để thực hiện thống nhất theo quy định của Pháp lệnh ngoại hối.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 66 của Luật Đầu tư để cho phép nhà đầu tư sử dụng lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư ở nước ngoài để góp vốn đầu tư ở nước ngoài.

Ngoài ra, Dự thảo Luật tiếp tục duy trì thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài với nội dung và thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đơn giản hơn theo hướng: bãi bỏ một số nội dung không cần thiết hoặc có thể dẫn đến xung đột với về thẩm quyền điều chỉnh với pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư; thu hẹp phạm vi dự án phải thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư....

9. Điều khoản thi hành và áp dụng chuyển tiếp:

Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

Ngoài ra, Luật này sửa đổi, bãi bỏ một số quy định của các luật khác có liên quan để phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Luật này, gồm: Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật quy hoạch đô thị, Luật bảo vệ môi trường và Luật điện ảnh và quy định áp dụng chuyển tiếp các nội dung mới của luật.

Trên đây là Tờ trình của Chính phủ về Dự án Luật Đầu tư (sửa đổi).

Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến./.

(Kèm theo Tờ trình gồm các tài liệu: Dự thảo Luật, Báo cáo thẩm định đối với dự án Luật và các tài liệu khác theo quy định tại Điều 64 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tư pháp;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: TH, KTTH, ĐMDN;
- Lưu: VT, PL (03b).

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Nguyễn Chí Dũng